

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 22/02/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	340903	Đặng Thị Tuyến	3409	8	16	13	18	69	280	330	610	10.0
2	340157	Nguyễn Thị Chinh	3401	5	14	13	18	52	250	225	475	8.5
3	340923	Trần Quang Hiếu	3409	9	16	10	18	41	270	160	430	
4	341117	Trần Văn Dương	3411	6	21	12	16	31	280	95	375	
5	342234	Nguyễn Đức Chính	3422	6	16	13	10	37	215	130	345	
6	340811	Hà Mạnh Trung	3408	5	7	16	9	36	170	125	295	
7	342205	Nguyễn Đình Chí	3422	2	16	9	11	33	175	110	285	
8	340642	Nguyễn Thị Đào	3406	5	7	9	9	31	130	95	225	
9	340757	Bùi Thị Thanh	3407		14	9	5	21	120	35	155	
10	341026	Hoàng Thị Hồng Ngân	3410									
11	341959	Triệu Thị Hồng Diễm	3419									
12	342463	Đoàn Thu Trang	3424									
13	352562	Nguyễn Minh Quang	3525	5	14	16	18	93	270	470	740	10.0
14	352049	Trần Thị Quỳnh Nga	3520	7	19	22	16	70	340	335	675	10.0
15	352531	Phạm Thị Nga	3525	7	16	19	17	70	310	335	645	10.0
16	351331	Trần Thị Nguyệt Lệ	3513	8	21	14	11	72	275	350	625	10.0
17	350615	Bùi Vũ Thư	3506	8	13	13	14	74	240	360	600	10.0
18	350950	Đinh Thế Tâm	3509	5	11	11	10	86	170	425	595	10.0
19	351258	Ngô Thị Ngọc Anh	3512	6	19	16	10	70	255	335	590	10.0
20	351437	Lý Thị Hồng Nhung	3514	8	18	12	21	57	310	255	565	9.5
21	350701	Bùi Thị Hằng	3507	6	19	18	19	53	325	230	555	9.5
22	352228	Nguyễn Duy Trung	3522	10	7	19	6	72	195	350	545	9.5
23	352360	Trịnh Thị Sơn	3523	7	15	15	14	63	255	290	545	9.5
24	351007	Nguyễn Hồ Khánh Ly	3510	6	16	23	27	39	390	145	535	9.5
25	352508	Nguyễn Thị Lan Hương	3525	7	20	15	12	57	275	255	530	9.0
26	350964	Cổ Thị Ngọc Linh	3509	8	16	17	13	55	275	240	515	9.0
27	352260	Nguyễn Quốc Huy	3522	7	15	23	14	48	310	200	510	9.0
28	351846	Phan Thị Hiền	3518	8	16	17	17	48	300	200	500	8.5
29	350338	Lê Diệu Linh	3503	8	16	20	16	45	315	180	495	8.5
30	351762	Dương Thái Ngọc	3517	5	10	18	20	52	270	225	495	8.5
31	351324	Lã Trần Hồng Phương	3513	7	14	13	14	54	240	235	475	8.5
32	352502	Nguyễn Thu Giang	3525	9	15	17	10	51	255	220	475	8.5
33	350332	Ngô Thị Huế	3503	6	14	8	13	57	190	255	445	
34	351558	Nguyễn Bích Ngọc	3515	7	21	10	13	46	255	190	445	
35	351828	Nguyễn Thị Huyền	3518	5	18	13	7	54	200	235	435	
36	351262	Phạm Thu Hiền	3512	6	16	16	13	44	255	175	430	
37	352536	Đỗ Thái Hà	3525	5	14	13	13	50	215	215	430	
38	350514	Ngôn Chu Hoàng	3505	7	19	18	13	37	295	130	425	
39	350857	Đào Thùy Linh	3508	8	19	16	10	40	270	150	420	
40	350347	Hà Thị Kim Liên	3503	5	17	12	15	43	245	170	415	
41	351601	Nguyễn Phúc Anh	3516	6	16	15	15	40	260	150	410	
42	352324	Trần Thị Thanh Mai	3523	4	13	10	14	51	190	220	410	
43	352625	Đặng Thị Thu	3526	4	19	13	15	40	255	150	405	
44	351263	Phan Thị Hạnh Ngân	3512	4	12	12	16	44	210	175	385	
45	350231	Nguyễn Thị Hà	3502	4	15	13	13	42	215	165	380	
46	351562	Trần Thị Ngọc Thu	3515	6	13	12	15	41	220	160	380	
47	352510	Đàm Thị Thương	3525	5	10	19	10	42	210	165	375	
48	352505	Trần Thị Việt Nga	3525	4	15	11	12	43	195	170	365	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/02/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	352407	Ninh Văn Sinh	3524	2	17	11	9	45	180	180	360	
50	350965	Lưu Quang Anh	3509		1	2		72	5	350	355	
51	351824	Phạm Thị Uyên	3518	5	11	9	13	42	175	165	340	
52	352535	Nguyễn Thị Thọ	3525	5	10	14	14	37	200	130	330	
53	351757	Phạm Anh Đức	3517	2	18	14	10	33	210	110	320	
54	351136	Lý Thị Hoa	3511	5	21	8	13	28	230	80	310	
55	351349	Nguyễn Thị Hồng Thao	3513	6	11	13	15	31	215	95	310	
56	350922	Nguyễn Văn Thế	3509	2	10	9	12	41	145	160	305	
57	351232	Nguyễn Thị Trà Mi	3512	2	12	9	11	39	150	145	295	
58	351264	Ngô Thị Hạnh	3512	4	10	8	8	42	130	165	295	
59	352232	Đặng Thuý Linh	3522	7	6	13	8	39	150	145	295	
60	352147	Trần Linh Chi	3521	4	13	6	6	42	125	165	290	
61	350405	Phạm Quang Thành	3504	3	10	9	7	41	125	160	285	
62	352417	Trần Thị Tú Hoa	3524	5	13	13	10	31	190	95	285	
63	352507	Vũ Xuân Minh	3525	3	9	11	14	34	170	115	285	
64	351520	Phạm Hồng Thái	3515	5	20	11	8	25	210	60	270	
65	352629	Nguyễn Thị Nhiên	3526	5	11	15	11	27	195	70	265	
66	350250	Nguyễn Minh Hải	3502	2	10	7	8	39	115	145	260	
67	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	3	7	6	11	38	115	140	255	
68	350519	Vũ Minh Hải	3505	4	13	9	5	34	135	115	250	
69	350334	Nguyễn Lê Phương Thuý	3503	4	10	7	12	31	145	95	240	
70	351616	Dương Thị Thanh Nhân	3516	7	10	8	8	31	145	95	240	
71	351826	Lê Khánh Linh	3518	4	5	11	15	28	160	80	240	
72	351820	Nguyễn Thị Thu Thảo	3518	4	12	8	10	29	150	85	235	
73	351238	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3512	3	10	7	10	28	130	80	210	
74	HS33B050	Đặng Thế Anh	3501	5	8	11	7	26	135	65	200	
75	350327	Nguyễn Thị Trang	3503	3	8	11	4	28	110	80	190	
76	350850	Đào Thu Huyền	3508	2	7	9	9	24	115	50	165	
77	351267	Lê Thị Ngọc	3512	3	5	6	10	18	95	20	115	
78	350225	Đặng Thị Huyền	3502									
79	350516	Nguyễn Nhật Anh	3505									
80	350817	Phùng Tuyết Chinh	3508									
81	351050	Trần Thị Khiết Linh	3510									
82	351165	Phạm Minh Châu	3511									
83	351237	Nguyễn Thị Thanh Trà	3512									
84	351348	Nguyễn Khoa Kiều Tâm	3513									
85	351357	Nguyễn Hồng Minh	3513									
86	351603	Nguyễn Thị Thanh Huệ	3516									
87	350566	Bùi Thị Sen	3517									
88	351831	Trần Thị Phương	3518									
89	351911	Nguyễn Mạnh Thắng	3519									
90	352046	Đinh Thị Thanh Tâm	3520									
91	352206	Cáp Mai Ngọc	3522									
92	352214	Nguyễn Thuý Trang	3522									
93	352449	Cao Thị Oanh	3524									
94	361242	Nguyễn Văn Thành	3612	9	25	20	21	69	405	330	735	10.0
95	360323	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	3603	3	15	17	18	51	270	220	490	8.5
96	360554	Hoàng Thị Hà	3605	4	20	10	6	63	185	290	475	8.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/02/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	361338	Nguyễn Thị Phương	3613	4	16	16	13	42	245	165	410	
98	361040	Nguyễn Thị Thu Hà	3610	4	16	13	12	34	215	115	330	
99	362044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	3620	2	13	9	10	36	150	125	275	
100	361801	Hoàng Thị Phương	3618	8	11	11	9	28	180	80	260	
101	362622	Nguyễn Thị Thủy	3626	6	16	7	8	24	170	50	220	
102	361945	Nguyễn Ngọc Chung	3619	3	13	8	10	26	150	65	215	
103	361034	Phạm Văn Quỳnh	3610	1	6	7	9	32	90	100	190	
104	361615	Nguyễn Văn Đoàn	3616	3	11	3	4	17	80	15	95	
105	361227	Nguyễn Quang Huy	3612	3	8	4	3	18	65	20	85	
106	361430	Lưu Thị Huyền	3614									
107	362343	Nguyễn Thị Tố Như	3623									
108	372122	Hoàng Lam Trang	3721	7	19	23	19	75	365	365	730	10.0
109	370470	Lương Minh Hằng	3704	10	28	27	22	53	480	230	710	10.0
110	370175	Lê Tùng Anh	3701	8	24	17	19	63	365	290	655	10.0
111	372340	Nguyễn Tuấn Anh	3723	8	19	12	18	59	295	265	560	9.5
112	372358	Ngô Vũ Chung Anh	3723	4	15	12	19	51	250	220	470	8.0
113	372829	Vũ Thị Mỹ Duyên	3728	4	14	15	10	44	200	175	375	
114	370174	Nguyễn Chí Anh	3701	4	12	9	16	43	190	170	360	
115	372330	Lê Hưng Tứ	3723	4	10	9	12	41	160	160	320	
116	372847	Nguyễn Huy Phương	3728	5	13	8	6	37	140	130	270	
117	372712	Hoàng Thế Ngọc	3727	2	15	6	8	33	135	110	245	
118	371863	Đỗ Thị Hải Ninh	3718	5	10	12	3	33	130	110	240	
119	372405	Phan Việt Dũng	3724									
120	372436	Trần Thị Việt Nga	3724									
121	372442	Vũ Thị Kiều Oanh	3724									
122	372516	Hoàng Thị Hồng	3725									
123	372535	Bùi Thị Bảo Anh	3725									
124	382674	Lê Hồng Dung	3826	8	22	21	26	69	420	330	750	10.0

Hà Nội, Ngày tháng năm 2014

TRUNG TÂM TIN HỌC

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU